TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

**KHOA: KHXH&NV**

**ĐỀ THI VÀ ANSWER ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**

**Học kỳ 3, năm học 2021 - 2022**

Mã học phần: 213\_7TL0190\_01

Tên học phần: Tâm bệnh học

Mã nhóm lớp học phần: K26DB-TL1

Thời gian làm bài (phút): 60 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm hoàn toàn**

Một pha hoặc giai đoạn trầm cảm (depressive episode) có các triệu chứng diễn ra trong ít nhất:

**A.** 2 tuần

**B.** 1 tuần

**C.** 1 tháng

**D.** 6 tháng

ANSWER: A

Đặc điểm nào sau đây **không** phải là một tiêu chí chẩn đoán rối loạn trầm cảm chủ yếu theo DSM – V?

**A.** Rút lui khỏi các quan hệ xã hội

**B.** Khó ngủ hoặc ngủ li bì

**C.** Suy nghĩ tái diễn về tự sát

**D.** Tăng hoặc giảm cân đáng kể không do ăn kiêng

ANSWER: A

Việc tiếp xúc với nhiều biến cố khiến cá nhân cảm thấy không thể kháng cự, buông xuôi và chấp nhận mọi điều xảy ra. Khái niệm nào trong quan điểm nhận thức/hành vi về trầm cảm được sử dung để giải thích hiện tượng trên?

**A.** Sự bất lực tập nhiễm (learned helplessness)

**B.** Suy nghĩ tiêu cực (negative thinking)

**C.** Sự củng cố tích cực (positive reinforcement)

**D.** Xung đột tâm lý (psychological conflict)

ANSWER: A

Việc thiếu hụt chất dẫn truyền thần kinh nào sau đây được cho là nguyên nhân dẫn đến trầm cảm?

**A.** Cả hai câu còn lại đều đúng

**B.** Norepinephrine

**C.** Serotonin

**D.** Cả hai câu còn lại đều sai

ANSWER: A

Theo DSM – V, trong rối loạn cảm xúc lưỡng cực loại II (bipolar disorder II), tiền sử hoặc hiện tại của bệnh nhân KHÔNG có sự xuất hiện của pha nào dưới đây:

**A.** Các pha hưng cảm (mania)

**B.** Các pha trầm cảm chủ yếu

**C.** Các pha hưng cảm nhẹ (hypomania)

**D.** Cả ba câu trên đều đúng

ANSWER: A

Rối loạn khí sắc đơn cực (Unipolar disorder) là tên gọi khác của:

**A.** Trầm cảm

**B.** Rối loạn lo âu lan toản

**C.** Rối loạn ám ảnh – cưỡng chế

**D.** Hưng cảm

ANSWER: A

Đặc điểm nào dưới đây được dùng để phân biệt giữa một pha hưng cảm (mania) và một pha hưng cảm nhẹ (hypomania)?

**A.** Cả hai câu còn lại đều đúng

**B.** Triệu chứng ở pha hưng cảm nhẹ ít gây ảnh hưởng đến các chức năng sống

**C.** Thời gian diễn ra các triệu chứng ở pha hưng cảm nhẹ ngắn hơn

**D.** Cả hai câu còn lại đều sai

ANSWER: A

Triệu chứng nào sau đây thường xuất hiện ở cá nhân có trầm cảm nặng hoặc hưng cảm?

**A.** Loạn thần (psychosis)

**B.** Sa sút trí tuệ (dementia)

**C.** Chuyển dạng cơ thể (somatization)

**D.** Phân ly (dissociation)

ANSWER: A

Cơ chế nào sau đây được phân tâm sử dụng để giải thích cho nguyên nhân của trầm cảm khi đối diện với những mất mát biểu tượng (symbolic loss):

**A.** Nội hóa (introjection)

**B.** Chối bỏ (denial)

**C.** Chuyển di (displacement)

**D.** Hình thành phản ứng (reaction formation)

ANSWER: A

Tiêu chí về thời gian để chẩn đoán rối loạn trầm cảm dai dẳng hoặc loạn khí sắc (Dysthymic disorder) là:

**A.** 6 tháng 2 tuần

**B.** 2 tuần

**C.** 1 năm

**D.** 2 năm

ANSWER: A

Đặc điểm nào dưới đây KHÔNG thuộc tiêu chuẩn chẩn đoán rối loạn sợ chuyên biệt?

**A.** Có suy nghĩ tiêu cực về hệ quả của vật/tình huống gây sợ

**B.** Sợ hãi/lo âu về một vật hoặc tình huống đặc biệt

**C.** Sợ hãi/lo âu không tương thích với mức độ nguy hiểm của vật/tình huống

**D.** Gây ra tránh né hoặc chịu đựng

ANSWER: A

Các rối loạn sợ chuyên biệt (specific phobias) được định nghĩa là:

**A.** Sự sợ hãi quá mức, bất hợp lý, dai dẳng được kích hoạt bởi một vật hay một tình huống cụ thể

**B.** Sự nhạy cảm quá mức với tác nhân gây sợ

**C.** Những nỗi sợ quá mức khi đối diện với đối tượng nguy hiểm

**D.** Nỗi sợ dai dẳng với những tình huống xã hội

ANSWER: A

Ví dụnào sau đây phù hợp với lý giải của mô hình điều kiện hóa cổ điển (classical conditioning) của nỗi sợ?

**A.** An từng bị chó rượt nên mỗi lần thấy chó là sợ hãi

**B.** Bình sợ gián do thấy mẹ thường phản ứng sợ khi gặp gián

**C.** Tuấn có lo lắng nhiễu tâm và chuyển di lên các vật hình trụ

**D.** Hoa sinh ra đã có nỗi sợ bẩm sinh với các động vật lớn

ANSWER: A

Các triệu chứng trong rối loạn lo âu lan tỏa cần diễn ra trong ít nhất:

**A.** 6 tháng

**B.** 1 tháng

**C.** 3tháng

**D.** 2 tuần

ANSWER: A

Có các cơn hoảng sợ một cách bất ngờ đi kèm sự lo lắng và những thay đổi trong hành vi thích nghi liên quan đến cơn hoảng sợ đó là đặcđiểm của rối loạn nào dưới đây:

**A.** Rối loạn hoảng sợ (Panic disorder)

**B.** Rối loạn lo âu lan tỏa (GAD)

**C.** Rối loạn trầm cảm chủ yếu (MDD)

**D.** Rối loạn lo âu xã hội (SAD)

ANSWER: A

Rối loạn nào dưới đây được xếp vào nhóm các rối loạn có liên quan đến lo âu (anxiety – related disorders) theo DSM – V?

**A.** Rối loạn sợ xã hội (Society anxiety disorder)

**B.** Rối loạn khí sắc chu kì (Cyclothymic disorder)

**C.** Rối loạn trầm cảm chủ yếu (Major depressive disorder)

**D.** Rối loạn phổ tự kỷ (Autistic spectrum disorder)

ANSWER: A

Hãy nối các nhóm ám sợ chính với các ví dụ tương ứng:

1. Sợ động vật; 2. Sợ môi trường thiên nhiên; 3. Sợ tình huống; 4. Sợ khác

**A.** Sợ đi thang máy; **B.** Sợ nha khoa; **C.** Sợ nước; **D.** Sợ nhện

**A.** 1d – 2c – 3a – 4b

**B.** 1d – 2c – 3b – 4a

**C.** 1d – 2a – 3b – 4c

**D.** 1c – 2d – 3b – 4a

ANSWER: A

Triệu chứng nào sau đây KHÔNG nằm trong các tiêu chuẩn chẩn đoán rối loạn lo âu lan toả (GAD) theo DSM – V?

**A.** Có những thiên kiến trong xử lý thông tin

**B.** Rối loạn giấc ngủ

**C.** Dễ bị mệt mỏi

**D.** Khó tập trung chú ý, trí nhớ trống rỗng

ANSWER: A

Trong rối loạn sợ chuyên biệt (specific phobia), phân tâm học tin rằng nỗi sợ nhiễu tâm được chuyển lên:

**A.** Một đối tượng/tình huống bên ngoài

**B.** Cơ thể

**C.** Ý thức

**D.** Tràn lan ra ngoài môi trường xung quanh

ANSWER: A

Loại nào dưới đây không phải là sự cưỡng chế (compulsion)?

**A.** Sự thôi thúc

**B.** Các hành vi lặp đi lặp lại​

**C.** Các nghi thức​

**D.** Các hoạt động tinh thần (cầu nguyện, đếm,…)​

ANSWER: A

Sự ám ảnh (obsession) trong rối loạn ám ảnh cưỡng chế có đặc điểm nào dưới đây:

**A.** Dai dẳng, tái diễn khiến cá nhân cảm thấy khó chịu, mất kiểm soát

**B.** Cá nhân có thể kiểm soát được

**C.** Là một trải nghiệm bình thường và không gây ảnh hưởng chức năng

**D.** Là các hành động lặp đi lặp lại gây khó chịu

ANSWER: A

Người mắc OCD có niềm tin rằng những gì trong suy nghĩ của họ là điều đang diễn ra trên thực tế. Trải nghiệm này được gọi là:

A. Liên hợp suy nghĩ – hành động (thought – action fusion)

B. Sự nhiễm bẩn trong tâm trí (mental contamination)

C. Hoang tưởng (delusion)

D. Những thôi thúc (urging)

ANSWER: A

Trải nghiệm sang chấn liên tục và kéo dài, gây xáo trộn mạnh về cảm xúc và tác động đa diện đến nạn nhân được gọi là:

**A.** Sang chấn phức tạp (complex trauma)

**B.** Nỗi sợ (fear)

**C.** Sang chấn thứ cấp​ (secondary trauma)

**D.** Stress​

ANSWER: A

Rối loạn stress sau sang chấn có thể xảy ra cho đối tượng nào dưới đây:

**A.** Tất cả các câu còn lại đều đúng

**B.** Người tiếp xúc thường xuyên với các chi tiết của sự kiện sang chấn

**C.** Người chứng kiến sự kiện sang chấn

**D.** Người trực tiếp trải qua sang chấn

ANSWER: A

Ảo giác (hallucination) là những trải nghiệm bất thường liên quan đến:

**A.** Các giác quan thu nhận thông tin sai thực tế

**B.** Các suy nghĩ, niềm tin chắc chắn những sai lầm

**C.** Các hành động mang tính hung tính

**D.** Các triệu chứng âm tính

ANSWER: A

Theo DSM – V, đặc điểm nào dưới đây chỉ có mặt ở tâm thần phân liệt (schizophrenia) và rối loạn cảm xúc phân liệt (schizoaffective disorder) mà không có ở các rối loạn khác trong cùng phổ?

**A.** Các triệu chứng âm tính (negative symptoms)

**B.** Ảo giác

**C.** Suy nghĩ (lời nói) phi tổ chức

**D.** Hoang tưởng

ANSWER: A

Trong tâm thần phân liệt, bệnh nhân cảm thấy như có thế lực nào đó đang chi phối mọi suy nghĩ, hành động của mình. Đây là triệu chứng của:

**A.** Hoang tưởng chi phối (Delusion of controls)

**B.** Hoang tưởng tự cao (Grandiose delusion)

**C.** Hoang tưởng bị hại (Persecutory delusion)

**D.** Hoang tưởng được yêu (Erotomanic delusion)

ANSWER: A

Những minh chứng khoa học đã đặt ra giả thuyết về nồng độ cao của hoá chất dẫn truyền thần kinh nào dưới đây sẽ gây nên các vấn đề loạn thần?

**A.** Dopamine

**B.** Serotonin

**C.** Norepinephrine

**D.** GABA

ANSWER: A

Đặc điểm của các rối loạn nhân cách cụm B (cluster B) là:

**A.** Kịch tính, giàu cảm xúc

**B.** Kì quặc, kì quái

**C.** Lo âu, sợ hãi

**D.** Chống đối xã hội

ANSWER: A

Rối loạn nhân cách nào sau đây KHÔNG thuộc cùng cụm với các rối loạn còn lại?

**A.** Rối loạn nhân cách ái kỷ

**B.** Rối loạn nhân cách lệ thuộc

**C.** Rối loạn nhân cách ám ảnh – cưỡng chế

**D.** Rối loạn nhân cách tránh né

ANSWER: A

Câu nào dưới đây được dùng để mô tả đặc trưng của rối loạn nhân cách ranh giới:

**A.** Biểu hiện sự không ổn định trong quan hệ và cảm xúc với người thân, với bản thân mình

**B.** Một tình trạng cảm xúc kịch phát để lôi kéo sự chú ý của những người xung quanh

**C.** Xem thường lẽ phải và vi phạm các qui định một cách bền vững

**D.** Luôn cho rằng mình là vĩ đại (trong suy nghĩ và trong hành vi), muốn mọi người ngưỡng mộ mình và thiếu sự cảm thông với người khác

ANSWER: A

Rối loạn nhân cách chống đối xã hội được chẩn đoán cho người từ đủ:

**A.** 18 tuổi trở lên

**B.** 16 tuổi trở lên

**C.** 15 tuổi trở lên

**D.** 21 tuổi trở lên

ANSWER: A

Đặc điểm nào sau đây KHÔNG dùng để chẩn đoán rối loạn phổ tự kỷ

**A.** Suy kém trong tư duy

**B.** Suy kém trong tương tác

**C.** Suy kém trong giao tiếp

**D.** Hành vi vận động bất thường

ANSWER: A

Triệu chứng nào dưới đây thuộc về các bất thường về tương tác và giao tiếp ở trẻ tự kỷ?

**A.** Suy giảm trong phát triển, duy trì và hiểu các mối quan hệ

**B.** Sự định hình hoặc lặp đi lặp lại các động tác, sử dụng vật hoặc ngôn ngữ

**C.** Phản ứng quá mức/dưới mức với các kích thích cảm giác

**D.** Hứng thú rất hạn chế, cố định một cách bất thường về cường độ và sự tập trung

ANSWER: A

Sự suy giảm chức năng trí tuệ ở trẻ có khuyết tật trí tuệ (rối loạn phát triển trí tuệ) được đo lường bởi:

**A.** Các test trí tuệ đã chuẩn hóa

**B.** Đánh giá của giáo viên

**C.** Quan sát của bác sĩ tâm thần

**D.** Kết quả học tập

ANSWER: A

Trẻ có điểm IQ dưới mốc nào thỏa mãn tiêu chí về suy giảm chức năng trí tuệ trong chẩn đoán khuyết tật trí tuệ:

**A.** 70

**B.** 55

**C.** 85

**D.** 40

ANSWER: A

Các triệu chứng tăng động và kém chú ý ở trẻ phải được diễn ra trong bao nhiêu bối cảnh để được chẩn đoán rối loạn tăng động giảm chú ý?

**A.** Từ 2 bối cảnh trở lên

**B.** Chỉ cần 1 bối cảnh

**C.** Phải diễn ra trong mọi bối cảnh

**D.** Cả ba câu trên đều đúng

ANSWER: A

Đặc điểm nào sau đây thuộc về tính kém chú ý trong rối loạn tăng động giảm chú ý?

**A.** Dễ bị xao nhãng bởi kích thích ngoài

**B.** Thường nói chuyện quá nhiều

**C.** Luôn “bận rộn”, như “bị gắn động cơ”

**D.** Thường rời khỏi chỗ khi cần ngồi yên

ANSWER: A

Nguyên nhân gây ra rối loạn phổ tự kỷ:

**A.** Chưa có nguyên nhân thuyết phục

**B.** Do tiêm chích vắc-xin

**C.** Do di truyền

**D.** Do phong cách làm cha mẹ thờ ơ, lạnh lùng

ANSWER: A

Rối loạn ứng xử (conduct disorder) được đặc trưng bởi:

**A.** Cả ba câu trên đều đúng

**B.** Phá hủy tài sản

**C.** Lừa đảo, trộm cắp, vi phạm luật lệ

**D.** Sự hung tính với người khác và con vật

ANSWER: A

*Ngày biên soạn: 8/7/2022*

**Giảng viên biên soạn đề thi: ThS. Nguyễn Huỳnh Luân**

*Ngày kiểm duyệt: 14/7/2022*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: PGS.TS Lê Thị Minh Hà**